

QUY ĐỊNH

chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và quan hệ công tác của Ban Dân vận Thành ủy

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 46-QĐ/TW, ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị thành phố;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Thành ủy,

Ban Thường vụ Thành ủy Uông Bí quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Thành ủy Uông Bí như sau:

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 1. Chức năng

Là cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy về công tác dân vận (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo) của Thành ủy.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

1.1. Những chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Thành ủy. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình, kế hoạch, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác dân vận.

1.2. Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai thực hiện các văn bản của cấp ủy cấp trên, pháp luật và chính sách của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân (tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân) để báo cáo và tham mưu cho Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

1.4. Tham mưu, giúp cấp ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan nhà nước ở địa phương thực hiện công tác dân vận chính quyền.

1.5. Là Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành phố.

1.6. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn, phối hợp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận của các cấp trong Đảng bộ thành phố.

3. Thẩm định, thẩm tra

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

3.2. Tham gia thẩm định các đề án, dự án, văn bản có liên quan đến công tác dân vận; các đề án, dự án liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phối hợp

4.1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các chương trình phối hợp; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận.

4.2. Với các Ban Xây dựng Đảng, cơ quan, tổ chức liên quan theo dõi, nắm tình hình tư tưởng, nguyện vọng của Nhân dân và phong trào quần chúng, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

4.3. Với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và hội quần chúng thành phố tham gia công tác xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền; xây dựng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và hội quần chúng.

4.4. Với các cơ quan chức năng đẩy mạnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy.

4.5. Tham gia ý kiến về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận theo phân cấp quản lý.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ; CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 3. Tổ chức bộ máy, biên chế

1. Lãnh đạo Ban Dân vận Thành ủy gồm: Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban.

- Trưởng Ban Dân vận Thành ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, kiêm Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành phố.

- Số lượng Phó Trưởng Ban do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2. Biên chế của Ban Dân vận Thành ủy do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

Điều 4. Chế độ chính sách

1. Cán bộ, công chức Ban Dân vận Thành ủy được hưởng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức khối Đảng theo quy định của Đảng.

2. Được đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, nâng ngạch, nâng lương và các chế độ chính sách khác theo quy định.

3. Được bố trí các phương tiện, trang thiết bị, điều kiện làm việc theo quy định.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Với Ban Dân vận Tỉnh ủy

Ban Dân vận Thành ủy chịu sự hướng dẫn và kiểm tra, giám sát của Ban Dân vận Tỉnh ủy về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Điều 6. Với Thành ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy

Ban Dân vận Thành ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Thành ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo và tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công.

Điều 7. Với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố là quan hệ phối hợp:

- Ban Dân vận Thành ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố triển khai, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ công tác dân vận có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; hỗ trợ nhau cùng hoàn thành các nhiệm vụ tham mưu có gắn với công tác quản lý nhà nước.

- Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố bàn chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ... có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của

Ban Dân vận Thành ủy, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Thành ủy được mời tham dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Thành ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Với các Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Thành ủy, Trung tâm chính trị thành phố

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với các Ban Xây dựng Đảng và Văn phòng Thành ủy, Trung tâm Chính trị thành phố là quan hệ phối hợp trong việc nghiên cứu, tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận; hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện và sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận; trao đổi, nắm thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác dân vận; tham gia công tác tổ chức và cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ làm công tác dân vận, công tác đoàn thể.

Điều 9. Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố là quan hệ phối hợp.

- Trong phạm vi lĩnh vực công tác, Ban Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của Trung ương, của Tỉnh ủy, Thành ủy liên quan đến công tác dân vận.

- Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế và kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy giao.

Điều 10. Với các phòng, ban, ngành thành phố; cấp ủy cơ sở trực thuộc, khối dân vận phường, xã và cán bộ phụ trách công tác dân vận ở các cơ sở Đảng

1. Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với các phòng, ban, ngành thành phố là quan hệ phối hợp, trao đổi, nắm thông tin trong thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác dân vận.

2. Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với cấp ủy cơ sở là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, trao đổi trong việc thực hiện công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp. Phối hợp chỉ đạo và tạo điều kiện cho cấp ủy cơ sở triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Thành ủy về công tác dân vận.

3. Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với Khối dân vận phường, xã và cán bộ làm công tác dân vận cấp ủy cơ sở là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này thay thế Quy chế số 17-QC/TU, ngày 16/3/2022 của Thành ủy và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Căn cứ Quy định này, Ban Dân vận Thành ủy xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ, công chức trong Ban.
3. Ban Dân vận Thành ủy và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c),
- Ban Dân vận Tỉnh ủy (B/c),
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND, UBND thành phố,
- Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH thành phố,
- Các Ban Xây dựng Đảng và Văn phòng Thành ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Mai Vũ Tuấn